TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - NINH BÌNH** Bản án số: 40/2026/HNGĐ-ST Ngày: 14-5-2026 *V/v: Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn.*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- NINH BÌNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Khắc Thái; Ông Lương Mạnh Tường.
Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình- Thẩm tra viên Toà án nhân dân Khu vực 3 -Ninh Bình.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngần – Kiểm sát viên.
Ngày 14 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026 về việc:"Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2026/QĐ-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:
- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị L sinh ngày 20/11/2004; số CCCD: 037304005870; Địa chỉ: Thôn A, xã P, tỉnh Ninh Bình
- Bị đơn: Anh Bùi Trung A sinh ngày 09/9/1996; số CCCD: 037096007779; Địa chỉ: Thôn A, xã P, tỉnh Ninh Bình.
Các đương sự vắng mặt.
NỘI DUNG VỤ ÁN:
Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 01 năm 2026, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Đinh Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Bùi Trung A kết hôn năm 2022 trên cơ sở tự nguyện, có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình nay là UBND xã P, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn chúng tôi sinh sống tại nhà anh Trung A ở Thôn A, xã P, tỉnh Ninh Bình. Tuy nhiên hai bên chỉ sinh sống hạnh phúc được khoảng vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, trong kinh tế và cách sống có nhiều khác biệt vì vậy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tôi và anh Trung A đã ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay tôi xét thấy không thể duy trì cuộc sống vợ chồng với anh Trung A, tôi đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3- Ninh Bình giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Bùi Trung A.

Về con chung: Tôi và anh Bùi Trung A có 01 con chung là cháu Bùi Quỳnh C sinh ngày 12/02/2023 hiện cháu đang ở với tôi. Sau khi Tòa án giải quyết ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi cháu và yêu cầu anh Trung A cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Bùi Trung A: Mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo, giấy báo, tuy nhiên anh Trung A không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản bày tỏ ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 3-Ninh Bình đã tiến hành giải quyết theo quy định. Tuy nhiên anh Bùi Trung A không đến tham gia các phiên họp và hòa giải tại Tòa án, vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại đơn xin xử vắng mặt, chị Đinh Thị L vẫn giữ quan điểm như đơn khởi kiện và bản tự khai là xin ly hôn với anh Bùi Trung A, về con chung: Chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung là cháu Bùi Quỳnh C sinh ngày 12/02/2023 hiện cháu đang ở với chị L và yêu cầu anh Bùi Trung A cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Do bị đơn có nơi cư trú tại xã P, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Ninh Bình thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn"* là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.
- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.
- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.
- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng: các Điều 5, Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự;Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị L. Xử ly hôn giữa chị Đinh Thị L và anh Bùi Trung A.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Bùi Quỳnh C, sinh ngày 12/02/2023, hiện nay đang ở cùng chị Đinh Thị L cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Bùi Trung A phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đinh Thị L mức cấp dưỡng 1.850.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, khi có lí do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: chị Đinh Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000551 ngày 29/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Anh Bùi Trung A phải nộp án phí cấp dưỡng số tiền 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã P, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân Khu vực 3-Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đinh Thị L và anh Bùi Trung A là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được với nhau thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về mọi mặt, thực tế hai bên đã ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị L với anh Trung A là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về nuôi con chung: Chị L và anh Trung A có 01 con chung là cháu Bùi Quỳnh C sinh ngày 12/02/2023, hiện cháu đang ở với chị L. Chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu và yêu cầu anh Trung A cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao cháu Bùi Quỳnh C cho chị L tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đảm bảo sự ổn định cũng

như quyền và lợi ích của cháu, phù hợp với quy định của pháp luật vì vậy cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L có yêu cầu anh Bùi Trung A cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Bùi Trung A khỏe mạnh, có thu nhập, đối chiếu với mức sống và thu nhập tại địa phương cần buộc anh Bùi Trung A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đinh Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Bùi Trung A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Đinh Thị L ly hôn với anh Bùi Trung A.

2.Về nuôi con chung: Giao cháu Bùi Quỳnh C sinh ngày 12/02/2023, hiện cháu đang ở với chị L, cho chị L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Bùi Trung A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đinh Thị L mỗi tháng là 2.000.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Bùi Quỳnh C đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Bùi Trung A không thi hành hết số tiền cấp dưỡng nuôi con theo quyết định của bản án thì hàng tháng anh Bùi Trung A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có lí do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí:

3.1. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đinh Thị L phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000551 ngày 29/01/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Bình.

3.2. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Trung A phải nộp 300.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:	**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
- Các đương sự;	**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**
- TAND tỉnh Ninh Bình;	
- VKSND Khu vực 3 – Ninh Bình;	
- Thi hành án DS tỉnh Ninh Bình;	
- UBND xã Phú Long	
- Lưu hồ sơ vụ án.	Nguyễn Thị Hương Quỳnh